

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 06/2021/DS-ST

Ngày 28-9 -2021

*“v/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Khắc Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phùng Thị Tố Trinh và bà Ksor H’Qúa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Hải Biển – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hương Dịu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2021/TLST – DS, ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Đỗ Anh T, sinh năm 1988. Có mặt.

Nơi cư trú: Buôn S, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai.

**- Bị đơn:** Bà Lưu Thị Y, sinh năm 1964. Có mặt.

Nơi ĐKKHKT: tổ Z, phường H, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Nơi tạm trú: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1965. Có mặt.

Nơi ĐKKHKT: số X, đường N, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Nơi tạm trú: Buôn C, xã C, huyện K, Gia Lai.

**- Người làm chứng:** Bà Trần Thị Minh N, sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đỗ Anh T trình bày:*

Ngày 27 tháng 3 năm 2020 tôi có bán cho trạm cân L của bà Y 03 xe mỳ, nhưng vì trạm cân chưa có đủ tiền thanh toán nên có đưa cho tôi 03 phiếu cân xe mỳ, có ghi đơn giá thành tiền trên PHIẾU CÂN XE và có đóng dấu màu xanh “CHƯA THANH TOÁN” và hẹn tôi khi nào có tiền thì đến lấy (tổng số tiền in trên 03 phiếu là 32.300.280 đồng). Khi về tôi kẹp trong quyển vở cất trong cốp xe, và quên là cất ở đâu. Vì tìm mãi không ra 03 PHIẾU CÂN XE của ngày 27 tháng 3 năm 2020 đâu cả nên tôi có lên báo với chủ trạm cân là cháu làm mất phiếu, cô cho cháu kiểm tra lại, thì chủ trạm cân có kiểm tra và bảo ngày 27 tháng 3 năm 2020 có cân 03 xe mỳ này của tôi, và bảo là phiếu này đã có người lấy tiền. Vì bản thân tôi tìm không ra 03 phiếu và chủ trạm cân bảo có người lấy tiền rồi nên tôi nghĩ mình đánh rơi có người nhặt được đi lấy tiền rồi.

Vào ngày 30 tháng 10 năm 2020, tôi có tìm một số giấy tờ, vô tình lại tìm thấy 03 PHIẾU CÂN XE mỳ của ngày 27 tháng 3 năm 2020, ngay lập tức tôi lên nói chuyện với chủ trạm cân thì bà Y chủ trạm cân bảo là đã trả tiền 03 phiếu này rồi, tự nhiên tìm ở đâu ra 03 PHIẾU CÂN XE mỳ này mà lên đây đòi lấy tiền. Tôi có nói như thế nào bà Y cũng không đồng ý trả lại số tiền đã ghi trên 03 PHIẾU CÂN XE mỳ này cho tôi. Tôi có lên báo Công an xã giải quyết, nhưng bà Y không chịu trả lại tiền, công an xã đã lập biên bản giải quyết không thành công.

Do vậy, tôi kính mong Tòa án nhân dân huyện K buộc bà Lưu Thị Y phải trả cho tôi số tiền mua 03 xe mỳ chưa thanh toán cho tôi tổng cộng là 32.300.280 đồng. Tôi không yêu cầu tính lãi.

*2. Bị đơn bà Lưu Thị Y trình bày:*

Vợ chồng tôi mới xuống K làm ăn được 03 năm nay. Ông T là người hay đi bán mỳ nên hay đến chỗ trạm cân của tôi để bán mỳ tươi. Vào ngày 27/3/2020 tôi có mua 03 xe mỳ tươi của ông T, trị giá thành tiền tổng cộng là 32.300.280 đồng. Khi mua thì tôi chưa thanh toán ngay mà mấy ngày sau thì tôi đã thanh toán tiền cho ông T rồi. Nhưng không hiểu sao thì mấy ngày sau nữa ông T qua hỏi tôi là tôi đã thanh toán tiền cho ông T mấy xe mỳ này chưa thì tôi lấy phiếu gốc ra bảo đã thanh toán rồi thì ông T có xin thêm 03 phiếu cân mỳ này. Khi mua hàng của các khách hàng thì tôi dùng “PHIẾU CÂN XE” của hộ gia đình tôi, nếu chưa trả tiền thì trên phiếu có đóng dấu hình chữ nhật màu xanh in hàng chữ “CHƯA THANH TOÁN” giao cho khách hàng. Còn khi trả tiền rồi thì tôi cũng dùng chính phiếu này và đóng thêm dấu “ĐÃ THANH TOÁN” hình chữ nhật in chữ màu đỏ giao lại cho khách hàng. Nhưng do nhiều lúc sơ suất có nhiều khách hàng như ông T chứ không riêng gì của ông T nên có lúc tôi đóng dấu ĐÃ THANH TOÁN, có lúc quên, nên 03 phiếu của ông T này tôi cũng bị quên nên chỉ đóng dấu ĐÃ THANH TOÁN ở 03 bản lưu của gia đình tôi. Nay ông T cho rằng do lúc lấy 03 PHIẾU CÂN XE này tôi chưa thanh toán tiền và do ông T để quên không tìm thấy, nay mới tìm thấy đi đòi tiền của tôi thì tôi không đồng ý quan điểm này của ông T. Vì không ai mua bán mỳ với tôi mà để lâu không lấy tiền như vậy, thường thì tôi mua mỳ xong là thanh toán ngay, hoặc

mấy ngày sau chứ không có chuyện nợ lâu. Nếu quên thì một vài bữa chứ không cả năm như vậy. Nay tôi không đồng ý quan điểm của ông T. Chúng tôi khẳng định là đã thanh toán tiền 03 xe mỳ đã mua ngày 27/3/2020 cho ông T rồi.

*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc N trình bày:*

Tôi có quan điểm trình bày giống y như vợ tôi bà Lưu Thị Y, gia đình tôi đã thanh toán tiền 03 xe mỳ đã mua ngày 27/3/2020 của ông T cho ông T rồi. Nên chúng tôi không đồng ý trả nữa.

*4. Người làm chứng bà Trần Thị Minh N trình bày:*

Tôi là người cũng thường xuyên bán mỳ tươi cho bà Y, mỗi lần cân mỳ tươi chưa trả tiền thì bà Y có đưa PHIẾU CÂN XE mỳ đóng dấu hình chữ nhật CHƯA THANH TOÁN màu xanh đưa cho tôi, sau đó nhiều khi đến thanh toán tiền của bà Y thì bà Y cũng không đóng dấu ĐÃ THANH TOÁN hình chữ nhật vào các phiếu này. Tôi không được chứng kiến việc bà Y mua 03 xe mỳ ngày 27/3/2020 hay đã thanh toán tiền mỳ cho anh T.

5. Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án.

Phần nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm là: Ngày 27/3/2020, anh T có bán mỳ cho trạm cân L 03 xe mỳ, nhưng vì trạm cân chưa đủ tiền để thanh toán nên có đưa 03 phiếu cân mỳ, ghi đơn giá thành tiền trên phiếu cân xe và có đóng dấu xanh “CHƯA THANH TOÁN” và hẹn anh T khi nào có tiền thì đến lấy. Tổng tiền in trên 3 phiếu là 32.300.280 đồng. Tuy nhiên, anh T làm thất lạc 03 phiếu cân mỳ trên. Đến ngày 30/10/2020, anh T đã tìm thấy 03 phiếu cân mỳ này. Ngay lập tức, anh T tìm bà Y- chủ trạm cân để báo lại thì được bà Y nói đã trả tiền cho 03 phiếu mỳ này rồi. Anh T đi đòi nhưng bà Y không đồng ý trả. Để chứng minh cho quan điểm của mình anh T đã cung cấp cho Tòa án 03 phiếu cân mỳ của trạm cân L do bà Y đứng tên hộ kinh doanh đóng dấu CHƯA THANH TOÁN hình chữ nhật mực màu xanh.

Trạm cân L có địa chỉ tại Buôn C, xã C, huyện K là của bà Lưu Thị Y đứng tên kinh doanh với hình thức hộ kinh doanh, kinh phí hoạt động là từ nguồn vốn chung của bà Y và chồng là ông N. Trạm cân của bà Y chủ yếu thu mua nông sản, mua tới đâu thanh toán tiền tới đó, không nợ lâu và thanh toán bằng tiền mặt. Khi mua hàng, bà Y sử dụng PHIẾU CÂN XE trên phiếu có đóng dấu CHƯA THANH TOÁN giao cho khách hàng. Sau khi trả tiền xong, bà Y đóng dấu ĐÃ THANH TOÁN vào PHIẾU CÂN XE này cho khách hàng.

Bà Y công nhận giữa bà và anh T có mối quan hệ làm ăn mua bán với nhau. Ngày 27/3/2020 bà có mua của anh T 03 xe mỳ tươi có tổng giá trị là 32.300.280 đồng, nhưng lúc đó bà chưa có tiền thanh toán ngay nên bà đã đưa cho anh T 03 PHIẾU CÂN XE có đóng dấu CHƯA THANH TOÁN mực màu xanh cho anh T.

Vài ngày sau bà đã thanh toán bằng tiền mặt cho anh T nhưng bà đã quên đóng dấu **ĐÃ THANH TOÁN** vào 03 **PHIẾU CÂN XE** mà đã cung cấp cho anh T.

Từ những chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định: Ngày 27/3/2020, giữa anh T và bà Y đã thực hiện việc mua bán hàng hóa với nhau và có xác lập hợp đồng bằng văn bản mà cụ thể là **PHIẾU CÂN XE** thể hiện số lượng mỳ tươi, giá trị thành tiền là hoàn toàn có thật. Phiếu cân xe này được lập thành hai bản, người mua và người bán mỗi bên giữ một bản. Trên phiếu cân xe do anh T cung cấp đều thể hiện số lượng, thành tiền và có đóng dấu **CHƯA THANH TOÁN** điều này hoàn toàn phù hợp với hình thức kinh doanh mua bán của trạm cân bà Y đã khai. Bà Y thừa nhận 03 phiếu cân xe mà anh T cung cấp là của trạm cân do bà đứng tên in ra.

Bà Y có quan điểm mình đã thanh toán tiền theo 03 **PHIẾU CÂN XE** mỳ trên cho anh T và bà đã quên đóng dấu **ĐÃ THANH TOÁN** vào phiếu cân mỳ của anh T nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình. Còn anh T đã nhiều lần đi đòi, nhưng bà Y không chịu trả. Nay anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà phải trả số tiền 32.300.280 đồng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật.

Do đó, căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 274, 275, 385, 430, 431, 433, 440 BLDS 2015. Căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS năm 2015 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Anh T, buộc bị đơn bà Lưu Thị Y và ông Nguyễn Ngọc N phải liên đới trả số tiền mua hàng là 32.300.280 đồng cho anh T, không tính lãi. Bà Y và ông N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

*[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và nguyên đơn anh Nguyễn Anh T khởi kiện bị đơn bà Lưu Thị Y có nơi cư trú tại xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[2] Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào chứng cứ là 03 (Ba) **PHIẾU CÂN XE** ngày 27/3/2020 được lập thành văn bản in trên giấy trắng cụ thể là: 01 (Một) Phiếu **PHIẾU CÂN XE** ngày 27/3/2020 có các nội dung chính: Trạm cân điện tử 80T L, loại hàng Mỳ tươi, khách hàng HUU NGAN, STT: 270306, TL hàng thực tế 6,291kg, thành tiền 10,443,060 đồng, có đóng dấu “**CHƯA THANH TOÁN**” hình chữ nhật mực màu xanh; 01 (Một) Phiếu **PHIẾU CÂN XE** ngày 27/3/2020 có các nội dung chính: Trạm cân điện tử 80T L, loại hàng Mỳ tươi, khách hàng HUU NGAN, STT: 270317, TL hàng thực tế 6,966kg, thành tiền 11,563,560 đồng, có

đóng dấu “CHƯA THANH TOÁN” hình chữ nhật mực màu xanh; 01 (Một) Phiếu PHIẾU CÂN XE ngày 27/3/2020 có các nội dung chính: Trạm cân điện tử 80T L, loại hàng Mì tươi, khách hàng HUU NGAN, STT 270312, TL hàng thực tế 6,201kg, thành tiền 10,293,660 đồng, có đóng dấu “CHƯA THANH TOÁN” hình chữ nhật mực màu xanh, mà nguyên đơn anh Đỗ Anh T đã cung cấp cho Tòa án. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn, bị đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có cơ sở để khẳng định: vào ngày 27/3/2020 giữa anh Đỗ Anh T và bà Lưu Thị Y có xác lập giao dịch hợp đồng mua bán tài sản là 03 xe ô tô mỳ tươi với tổng số tiền là 32.300.280 đồng. Nguyên đơn và bị đơn không phản đối tình tiết này vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX công nhận tình tiết này là sự thật.

Theo quan điểm khởi kiện thì anh T cho rằng sau khi bán 03 xe mỳ tươi này cho bà Y thì anh T mới nhận được 03 PHIẾU CÂN XE có đóng dấu CHƯA THANH TOÁN hình chữ nhật mực màu xanh của bà Y đưa, mà chưa nhận tiền bán 03 xe mỳ này cho bà Y. Còn bà Y thì cho rằng khi mua mỳ của anh T thì chưa trả tiền nhưng sau đó mấy ngày thì đã trả rồi, nhưng quên đóng dấu ĐÃ THANH TOÁN màu đỏ vào PHIẾU CÂN XE MỠ đã đưa cho anh T. Trong việc mua bán bà Y có đôi khi sơ suất nhiều trường hợp thanh toán tiền rồi mà cũng chưa đóng dấu. Ví dụ như bà Y hay mua bán mỳ với bà Trần Thị Minh N đôi khi cũng quên đóng dấu ĐÃ THANH TOÁN vào các PHIẾU CÂN XE cho bà N những vẫn trả tiền rồi.

Hình thức mua bán mỳ tươi của cơ sở kinh doanh bà Y mà bà Y đã xác định với HĐXX là khi mua mỳ tươi của các khách hàng thì suất cho khách hàng PHIẾU CÂN XE, nếu chưa thanh toán tiền thì đóng dấu CHƯA THANH TOÁN hình chữ nhật màu xanh, còn nếu thanh toán tiền rồi thì đóng dấu ĐÃ THANH TOÁN hình chữ nhật màu đỏ vào phiếu này. Anh T cung cấp cho Tòa án 03 (Ba) PHIẾU CÂN XE đóng dấu CHƯA THANH TOÁN hình chữ nhật màu xanh của cơ sở kinh doanh bà Y và khẳng định là bà Y chưa thanh toán tiền 03 xe mỳ tươi này cho anh T. Còn bà Y thì cho rằng đã thanh toán tiền 03 xe mỳ này cho anh T rồi, có cung cấp 03 PHIẾU CÂN XE bản lưu tại hộ kinh doanh của mình có đóng dấu ĐÃ THANH TOÁN, nhưng các phiếu này không có giá trị thể hiện việc anh T đã nhận tiền, đồng thời bà Y cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ, giấy tờ nào hoặc hóa đơn thể hiện đã thanh toán tiền 03 xe mỳ tươi cho anh T. Đồng thời 03 phiếu PHIẾU CÂN XE mà anh T cung cấp cũng không có dấu ĐÃ THANH TOÁN hình chữ nhật màu đỏ của cơ sở kinh doanh bà Y. Mặc dù bà Y có dẫn chứng trường hợp bà N là người nhiều lần bán mỳ cho bà Y, bà Y đã trả tiền nhưng cũng không có đóng dấu ĐÃ THANH TOÁN vào PHIẾU CÂN XE của bà N. Bà N khẳng định không biết và không chứng kiến việc bà Y mua mỳ hay đã thanh toán tiền mỳ ngày 27/3/2020 cho anh T. Cho nên, căn cứ vào nguyên tắc mua bán của cơ sở kinh doanh mà bà Y đã trình bày khẳng định, căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn anh T đã cung cấp cho Tòa án. HĐXX thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T, không chấp nhận quan điểm của bị đơn bà Y. Việc anh T khởi kiện bà Y là đúng với

quy định tại các Điều 274, 275, 276, 280, 288, 351, 357 của BLDS về thực hiện nghĩa vụ dân sự.

Việc bà Y mua mỳ tươi của anh T mặc dù do một mình bà Y xác lập. Nhưng cơ sở kinh doanh của bà Y được cấp phép là Hộ kinh doanh do bà Y đứng tên, nhưng ông N là chồng bà Y là thành viên trong hộ cùng có đóng góp vốn vào mục đích kinh doanh chung. Vì vậy, ông N phải có nghĩa vụ liên đới với bà Y trả số tiền nợ cho nguyên đơn anh T.

Do vậy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc bà Y và ông N phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền đã mua mỳ còn nợ là 32.300.280 đồng (*Ba mươi hai triệu ba trăm nghìn hai trăm tám mươi đồng*) cho anh T.

[3] *Về án phí*: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn anh T được chấp nhận nên bị đơn bà Y và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 40, khoản 1 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 274, 275, 276, 280, 288, 351, 357, 430, 431, 433, 434 và 440 của Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. *Về thực hiện nghĩa vụ trả nợ*: Buộc bị đơn bà Lưu Thị Y và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn anh Đỗ Anh T số tiền nợ 32.300.280 đồng (*Ba mươi hai triệu ba trăm nghìn hai trăm tám mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. *Về án phí*: Buộc bị đơn bà Lưu Thị Y và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc N phải có nghĩa vụ liên đới nộp 32.300. 280 đồng x 5% = 1.615.014 đồng (*Một triệu sáu trăm mười lăm nghìn không trăm mười bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Đỗ Anh T toàn bộ số tiền đã tạm nộp án phí trước đây là 807.507 đồng (*Tám trăm linh bảy nghìn năm trăm linh bảy đồng*) theo biên lai thu số 0007650 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2021) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (03 bản);
- Tòa án tỉnh Gia lai (01 bản);
- VKSND h Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS h. Krông Pa (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Khắc Toàn**